

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 176/2025/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2025 giữa:

- **Nguyên đơn:** Bà **Trần Võ Thị Ánh S**, sinh năm: 1984

Địa chỉ: I N, tổ G, phường A, thành phố Đà Nẵng;

- **Bị đơn:** Ông **Nguyễn Văn H**, sinh năm: 1976

Địa chỉ: 98 N, tổ G, phường A, thành phố Đà Nẵng.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Ông **Nguyễn Văn L**, sinh năm: 1971

Địa chỉ: I T, phường T, thành phố Đà Nẵng.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 12 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Trần Thị Ánh S và ông Nguyễn Văn H thống nhất thuận tình ly hôn.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Ánh S và ông Nguyễn Văn H thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Bà Trần Thị Ánh S và ông Nguyễn Văn H thống nhất thỏa thuận sau khi ly hôn; giao con Nguyễn Văn Q, sinh ngày 28/02/2014 cho bà Trần Thị Ánh S được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi; ông Nguyễn Văn H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày 01/01/2026 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Riêng hai con Nguyễn Trần Thị Mỹ U và Nguyễn Văn Q1 hiện đã đủ 18 tuổi, phát triển bình thường nên không đề cập đến.

Bên không nuôi con vẫn có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích của con, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ đối với các khoản tiền phải trả, thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận và không yêu cầu Toà án giải quyết;
- Về nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận và không yêu cầu Toà án giải quyết.
- Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm 150.000 đồng bà Trần Thị Ánh S tự nguyện chịu.

- Án phí cấp dưỡng nuôi con chung 150.000 đồng, bà Trần Thị Ánh S tự nguyện chịu, nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai thu số 0002745 ngày 03/10/2025 tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhân:

- Dương sự;
- VKSND khu vực 3- Đà Nẵng;
- Phòng THADS khu vực 3- Đà Nẵng;
- THADS TP. Đà Nẵng;
- TAND TP. Đà Nẵng;
- UBND phường Hòa Phát, huyện Hòa Vang
(nay là phường An Khê), TP. Đà Nẵng;

THẨM PHÁN

(Giấy chứng nhận kết hôn số 82, quyền số 01/2003, đăng ký ngày 05/5/2003);
- Lưu hồ sơ.

Lê Văn Lâm